UBND TỈNH NINH BÌNH
TRUNG TÂM XÚC TIẾN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 351 /QĐ-TTXTĐTTM

Ninh Bình, ngày 23 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận kết quả thi nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu (lựa chọn nhà thầu) kỳ 02 năm 2026

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM XÚC TIẾN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu số 57/2024/QH15 ngày 15 tháng 01 năm 2025;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 về việc Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 02/2024/TT-BKHĐT ngày 06 tháng 03 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức và thi, cấp, thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu;

Căn cứ Thông tư số 105/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2024/TT-BKHĐT ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức và thi, cấp, thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu;

Căn cứ Quyết định số 2815/QĐ-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố các Thông tư tiếp tục có hiệu lực thi hành kể từ ngày Luật số 90/2025/QH15 và Nghị định số 214/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu có hiệu lực thi hành;

Căn cứ Quyết định số 1518/QĐ-UBND ngày 14/4/2026 của UBND tỉnh Ninh Bình quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Thương mại tỉnh Ninh Bình;

Xét đề nghị của trưởng phòng Đấu thầu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả thi nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu (lựa chọn nhà thầu) kỳ 02 năm 2026 cho 101 thí sinh theo danh sách kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Phòng Đấu thầu có trách nhiệm đăng tải kết quả thi trên Hệ thống quản lý cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.

Điều 3. Các thí sinh đạt kỳ thi nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu (lựa chọn nhà thầu) kỳ 02 năm 2026 được cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư 02/2024/TT-BKHĐT ngày 06/3/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức và thi, cấp, thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 105/2025/TT-BTC ngày 31/10/2025 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính).

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng thi nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu (lựa chọn nhà thầu) kỳ 02 năm 2026, Trưởng phòng Đấu thầu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Đồng chí Giám đốc (để b/c);
- Trang thông tin điện tử Trung tâm;
- Lưu: VT, ĐT.LT.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH
TRUNG TÂM XÚC TIẾN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TỈNH NINH BÌNH

Vũ Huy Phong

KẾT QUẢ THI NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN ĐẤU THẦU KỲ 02 NĂM 2026
ĐIỂM THI: TRƯỜNG THPT CHUYÊN LƯƠNG VĂN TỤY NGÀY 20/9/2026
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-TTXTĐTTM ngày /9/2026 của Trung tâm Xúc tiến đầu tư và thương mại tỉnh Ninh Bình)

STT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
1	02NB.2.0001	Ngô Thanh An	29/01/1976	84.50	
2	02NB.2.0002	Phạm Thị Phương Anh	26/06/1988	93.50	
3	02NB.2.0003	Nguyễn Quỳnh Anh	18/10/2002	83.50	
4	02NB.2.0004	Phạm Văn Bê	09/02/1974	79.00	
5	02NB.2.0005	Lê Quang Bộ	02/10/1990	84.25	
6	02NB.2.0006	Lại Thị Phương Chi	21/11/2002	-	Không dự thi
7	02NB.2.0007	Nguyễn Quỳnh Chi	28/08/2001	86.75	
8	02NB.2.0008	Tống Thị Chuyên	20/06/1998	98.75	
9	02NB.2.0009	Lại Quốc Công	23/11/1990	84.00	
10	02NB.2.0010	Phạm Thành Công	26/04/1991	94.00	
11	02NB.2.0011	Nguyễn Cao Cường	03/12/1990	78.50	
12	02NB.2.0012	Lê Huy Cường	05/09/1976	73.50	
13	02NB.2.0013	Đặng Hữu Cường	21/08/1981	81.00	
14	02NB.2.0014	Nguyễn Thọ Cường	04/04/1982	84.50	
15	02NB.2.0015	Lê Việt Cường	02/07/1984	77.75	
16	02NB.2.0016	Đỗ Thị Thùy Dung	26/09/1995	73.75	
17	02NB.2.0017	Lê Anh Dũng	10/09/1979	74.75	
18	02NB.2.0018	Nguyễn Văn Dũng	24/11/1985	73.50	
19	02NB.2.0019	Nguyễn Phương Duy	06/03/2002	91.50	
20	02NB.2.0020	Mai Thành Duy	01/02/1985	66.50	
21	02NB.2.0021	Vũ Nữ Ánh Dương	14/08/1982	80.00	
22	02NB.2.0022	Phạm Xuân Dương	10/03/1974	93.00	
23	02NB.2.0023	Quách Hoàng Điệp	11/10/1984	95.25	
24	02NB.2.0024	Nguyễn Trường Giang	05/08/1983	90.75	
25	02NB.2.0025	Nguyễn Công Hải	15/11/1987	97.50	

STT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
26	02NB.2.0026	Lê Thị Thanh Hải	01/02/1990	89.50	
27	02NB.2.0027	Doãn Xuân Hải	14/04/1991	78.75	
28	02NB.2.0028	Lê Thị Thúy Hằng	11/04/1997	85.50	
29	02NB.2.0029	Đoàn Văn Hệ	20/09/1991	64.25	
30	02NB.2.0030	Mai Thị Hiền	21/10/1990	94.50	
31	02NB.2.0031	Ngô Quang Hiến	05/10/1988	86.00	
32	02NB.2.0032	Nguyễn Sỹ Hiệp	16/06/1979	87.00	
33	02NB.2.0033	Lê Thị Hiệp	29/08/1983	91.00	
34	02NB.2.0034	Vũ Minh Hiếu	02/03/2000	69.75	
35	02NB.2.0035	Nguyễn Thị Kim Hoa	03/11/1999	97.00	
36	02NB.2.0036	Phạm Đức Hòa	30/07/1985	71.75	
37	02NB.2.0037	Lê Ngọc Hoàng	06/12/1987	85.25	
38	02NB.2.0038	Đặng Việt Hoàng	13/09/1999	-	Không dự thi
39	02NB.2.0039	Nguyễn Thị Hợi	10/10/1983	85.00	
40	02NB.2.0040	Nguyễn Quang Huy	11/09/1978	95.25	
41	02NB.2.0041	Lê Thị Thanh Huyền	05/09/1990	78.00	
42	02NB.2.0042	Dương Ngọc Hưng	11/09/1999	97.00	
43	02NB.2.0043	Hoàng Ngọc Hưng	20/04/1989	78.00	
44	02NB.2.0044	Lê Bật Hướng	07/07/1986	97.25	
45	02NB.2.0045	Trần Hồng Khuyên	08/02/1990	88.00	
46	02NB.2.0046	Lê Thị Ngọc Lan	18/06/1994	83.00	
47	02NB.2.0047	Bùi Thị Lan	10/05/1987	90.50	
48	02NB.2.0048	Phạm Quang Lâm	05/05/1987	81.75	
49	02NB.2.0049	Nguyễn Thị Kim Liên	01/11/1977	100.00	
50	02NB.2.0050	Nguyễn Thị Cẩm Linh	25/09/1983	85.75	
51	02NB.2.0051	Đào Thị Thùy Linh	10/04/1982	94.25	
52	02NB.2.0052	Nguyễn Thị Lợi	08/08/1972	98.50	
53	02NB.2.0053	Nguyễn Thị Lý	25/08/1987	98.50	
54	02NB.2.0054	Bùi Nhật Minh	07/03/2001	98.75	

STT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
55	02NB.2.0055	Trần Thị Tuyết Minh	03/12/1996	88.50	
56	02NB.2.0056	Ngô Thị Mỹ	12/02/1988	87.50	
57	02NB.2.0057	Vũ Trần Nam	25/11/1996	44.50	
58	02NB.2.0058	Hoàng Xuân Nam	11/01/1992	53.75	
59	02NB.2.0059	Bùi Hương Nga	01/08/1975	89.75	
60	02NB.2.0060	Cao Thị Ngân	25/08/1976	66.00	
61	02NB.2.0061	Đinh Văn Nghĩa	15/12/1994	75.75	
62	02NB.2.0062	Hà Minh Ngọc	23/12/2003	98.00	
63	02NB.2.0063	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	18/03/1987	84.00	
64	02NB.2.0064	Nguyễn Minh Nhật	01/04/2001	87.50	
65	02NB.2.0065	Vũ Phương Nhi	22/02/2002	90.00	
66	02NB.2.0066	Bùi Thị Hồng Nhung	07/05/2000	98.75	
67	02NB.2.0067	Đỗ Trường Phi	06/10/1996	98.50	
68	02NB.2.0068	Lê Triệu Phú	11/06/1984	96.00	
69	02NB.2.0069	Đỗ Hồng Phúc	25/06/1999	96.75	
70	02NB.2.0070	Hoàng Quỳnh Phương	23/10/1983	89.00	
71	02NB.2.0071	Nguyễn Thị Phương	26/03/1985	95.50	
72	02NB.2.0072	Chu Mạnh Quân	21/12/1986	97.00	
73	02NB.2.0073	Phạm Hồng Sơn	20/03/1986	97.25	
74	02NB.2.0074	Nguyễn Anh Tài	29/09/1997	45.75	
75	02NB.2.0075	Hoàng Trung Tâm	05/08/1977	92.50	
76	02NB.2.0076	Mai Xuân Thanh	25/07/1979	60.75	
77	02NB.2.0077	Lê Xuân Thành	15/04/1990	97.25	
78	02NB.2.0078	Phạm Xuân Thành	13/02/1982	90.50	
79	02NB.2.0079	Đặng Tất Thắng	04/02/1990	97.00	
80	02NB.2.0080	Nguyễn Văn Thắng	10/11/1979	85.00	
81	02NB.2.0081	Trần Anh Thiên	21/11/1990	98.50	
82	02NB.2.0082	Đỗ Thị Thu	18/08/1991	-	Không dự thi
83	02NB.2.0083	Phạm Thị Thu	15/09/1996	92.50	

STT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
84	02NB.2.0084	Trần Thị Thuý	10/06/1987	95.75	
85	02NB.2.0085	Nguyễn Thị Thúy	03/12/1974	95.75	
86	02NB.2.0086	Bùi Huy Toàn	30/06/1984	91.75	
87	02NB.2.0087	Dương Khánh Toàn	16/05/1988	94.00	
88	02NB.2.0088	Bùi Thị Thu Trang	15/12/1992	58.25	
89	02NB.2.0089	Lưu Thị Thu Trang	20/06/1989	95.00	
90	02NB.2.0090	Nguyễn Hữu Trình	30/07/1999	89.00	
91	02NB.2.0091	Nguyễn Minh Trọng	06/11/1983	97.25	
92	02NB.2.0092	Lê Khả Trung	22/10/1984	92.00	
93	02NB.2.0093	Phạm Thành Trung	23/10/1979	94.00	
94	02NB.2.0094	Trịnh Văn Trung	06/11/1983	77.00	
95	02NB.2.0095	Trịnh Việt Trung	04/11/1991	59.25	
96	02NB.2.0096	Đinh Khánh Trường	16/07/2002	69.75	
97	02NB.2.0097	Lê Minh Tuân	03/02/1978	68.75	
98	02NB.2.0098	Trần Anh Tuấn	17/05/2000	61.50	
99	02NB.2.0099	Lương Minh Tuấn	09/10/1985	90.75	
100	02NB.2.0100	Phạm Thanh Tuấn	12/01/1984	95.00	
101	02NB.2.0101	Lã Văn Tuấn	18/08/1977	-	Không dự thi
102	02NB.2.0102	Phạm Hoàng Tùng	14/01/1996	-	Không dự thi
103	02NB.2.0103	Hoàng Minh Tùng	04/10/1991	82.25	
104	02NB.2.0104	Lê Thanh Tùng	18/03/2000	96.75	
105	02NB.2.0105	Vũ Xuân Tuyên	11/11/1979	92.25	
106	02NB.2.0106	Lại Thị Hải Yến	21/11/1990	82.25	